TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 497/2023/QĐST-HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 28 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 802/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* giữa anh Chu Đình Th, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 9/2 HT, Phường x, thành phố Đà Lạt; Địa chỉ hiện nay: Số 15 TBT (nay là đường NHD), Phường x, thành phố Đà Lạt với chị Phạm Thị Lan H, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số 9/2 HT, Phường x, thành phố Đà Lạt.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/12/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/12/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Chu Đình Th và chị Phạm Thị Lan H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Chu Đình Th và chị Phạm Thị Lan H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Chu Huỳnh Quốc B, sinh ngày 12/11/2008 và thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Chu Đình Th và chị Phạm Thị Lan H đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Chu Đình Th thỏa thuận chịu 150.000 đồng (trong đó phần anh Th là 75.000đồng và phần chị H phải chịu 75.000đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000026 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Hoàn trả cho anh Th số tiền 150.000đ án phí còn dư.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND P.y, TP. Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Liên